

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/DS-PT
Ngày: 15 /5 /2025
V/v: *Tranh chấp quyền thừa kế,
Hợp đồng CNQSDĐ.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền thừa kế, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2024/DS-ST, ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyếtđưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐ-PT, ngày 01/4/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964. Địa chỉ: số A, N, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1955. Địa chỉ: số H, Khóm T, phường T, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1950. Địa chỉ: khóm T, Phường T, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2 là bà Nguyễn Thị T2 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm pháp lý nhà nước tỉnh V (có đơn vắng mặt).

3.2 Bà Nguyễn Thị Hồng T3, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3.3. Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1959. Địa chỉ: số G, Võ Văn K, Khóm D, Phường A, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị Hồng T4, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp S, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh(vắng mặt).

- 3.5. Ông Lê Văn H, sinh năm 1959 (có đơn vắng mặt)
3.6 Anh Lê Nhựt T5, sinh năm 1988 (có đơn vắng mặt)
3.7 Chị Lê Thị Thanh T6, sinh năm 1992 (có đơn vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Số A, N, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.
3.8. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)
3.9. Bà Phan Thị Ánh H2, sinh năm 1975 (có đơn vắng mặt)
3.10. Ông Trần Ngọc T7, sinh 1972 (có mặt).
Cùng địa chỉ: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/12/2002, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/10/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Cha mẹ của ông là ông Nguyễn Văn T8 (chết năm 2000) và bà Phạm Thị Kim A (chết năm 2003) có 07 người con gồm: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1950, Nguyễn Thị Hồng T3, sinh năm 1952, Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1955, Nguyễn Trung D, sinh năm 1959, Nguyễn Thị P, sinh năm 1962, Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, Nguyễn Thị Hồng T4, sinh năm 1975. Năm 2003, bà A chết để lại phần đất thừa 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất này trước đây khi ông Nguyễn Văn T8 còn sống thì đã chia cho 03 (ba) người con như sau: Thừa ruộng nằm tại khu vực Kênh B chia mỗi người được 05 (năm) công tầm 2m8, không tính bờ ranh, phía Kênh B đi vào được chia cho bà Nguyễn Thị P, phần đất liền kề chia cho anh ông Nguyễn Trung D (*ông D đã bán phần đất đó cho bà Phan Thị Ánh H2*). Phần đất còn lại được chia cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 và bà T1 đã bán lại cho ông phần đất trên vào năm 1994, với diện tích 05 (năm) công đất tầm 2m8 (*không tính bờ ranh*) với giá là 03 (ba) cây vàng loại 24k và có làm giấy mua bán viết tay, ông chưa làm thủ tục sang tên, nhưng ông đang canh tác.

Mẹ ông là bà Phạm Thị Kim A chết tháng 03/2003, nhưng đến ngày 05/09/2003 bà Nguyễn Thị P lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với toàn bộ phần đất đã chia cho các anh em như trên, hợp đồng được chứng thực của UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 29/11/2004, bà Nguyễn Thị P được cấp Giấy CNQSDĐ, ông T không hay biết. Trên thực tế phần đất này ông T vẫn đang sử dụng, đến khi đo Vlap thì ông cũng ra chỉ ranh đo đạc, tách thành 03 thửa đất: ông D một thửa, bà P một thửa và ông một thửa, khi ông làm thủ tục tách thửa thì mới biết bà Nguyễn Thị P đứng tên Giấy CNQSDĐ, ông yêu cầu bà P ký sang tên cho ông thì bà P không đồng ý.

Ông đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị P sang tên đất lại cho bà T1, để bà T1 làm thủ tục sang tên lại cho ông nhưng bà P không đồng ý, với lý do sau khi V đã đo xong thì diện tích thửa đất của ông và bà P không đồng đều, do diện tích đất của bà P ít hơn diện tích đất của ông, bà P yêu cầu ông phải đưa số tiền

40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) để bù lại phần đất chênh lệch, ông không đồng ý.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/09/2003 giữa bà Phạm Thị Kim A và bà Nguyễn Thị P, do bà A chết rồi thì không thể ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được.

2/ Công nhận và tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/06/1994 giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 đối với phần đất thửa số 35 (thửa cũ 867), diện tích 6.465,9m².

3/ Đối với phần đất thửa số 22, diện tích 6.402,9m², loại đất lúa do ông Nguyễn Trung D đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ánh H2 và bà H2 đã được cấp Giấy CNQSDĐ thì ông không có ý kiến, để cho bà H2 tiếp tục sử dụng.

4/ Yêu cầu công nhận việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thành 03 kỷ phần cho ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Hồng T1, trong đó ông Nguyễn Trung D hưởng phần đất thuộc thửa số 22, diện tích 6.402,9m², bà Nguyễn Thị P hưởng phần đất thuộc thửa số 5, diện tích 6.206,0m², bà Nguyễn Thị Hồng T1 hưởng phần đất thuộc thửa số 35, diện tích 6.465,9m². Hiện trạng là đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Rút lại yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thành 07 kỷ phần, mỗi người hưởng 01 kỷ phần là 2.487m², không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Cha của bà là ông Nguyễn Văn T8 (chết năm 2000) và mẹ Phạm Thị Kim A (chết năm 2003) có 07 người con là Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Hồng T3, Nguyễn Thị Hồng T1, Nguyễn Trung D, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Hồng T4. Thửa đất số 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là lúc ông T8 còn sống là chưa chia, đến khi ông T8 chết thì bà A đồng ý cho bà. Bà là người chở bà A đi làm giấy tờ vào năm 2003, lúc đó bà A còn sống,

Bà T1 trình bày được chia đất bán lại cho ông T phần đất trên vào năm 1994 với diện tích 05 (năm) công đất tầm 2m8 (không tính bờ ranh) với giá là 03 (ba) cây vàng loại 24k và có làm giấy mua bán viết tay thì bà không biết.

Việc ông T sử dụng đất từ năm 1994 cho đến nay đối với một phần thửa đất số 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa. Hiện nay là thửa số 35, diện tích 6.465,9m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, vì bà và ông T là anh em ruột nên bà để cho ông T làm ruộng từ năm 1994 cho đến nay. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Bà Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày:*

Khoảng năm 1985, lúc cha mẹ của bà là bà A và ông T8 còn sống đã chia thửa đất số 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cho 03 người gồm Nguyễn Trung D, Nguyễn Thị P và bà T1, khi chia có cắm trụ ranh phân đất rõ ràng, do bà không sử dụng nên bà chuyển

nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T canh tác từ năm 1994 cho đến nay, bà không có tranh chấp và cũng không có ai tranh chấp với ông T.

Đối với việc bà Nguyễn Thị P đứng tên trọn thửa đất số 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì bà không biết, việc bà A chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P vào ngày 05/09/2003 là không có, vì trước đó bà A bị bệnh mất trí nhớ, không biết ký tên, hơn nữa bà A đã chết tháng 3/2023 nên không thể ký chuyển nhượng cho bà P được. Phần đất của bà được chia đã chuyển nhượng cho ông T, thì công nhận cho ông T. Bà không yêu cầu độc lập trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị Hồng T1 có yêu cầu như sau:

1/ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/09/2003, do lập trái pháp luật, bà A chết rồi thì không thể ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được.

2/ Công nhận và tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/06/1994 giữa bà và ông Nguyễn Văn T. Công nhận cho ông T thửa số 35, diện tích 6.465,9m².

3/ Công nhận việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thành 03 kỷ phần cho ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị P và bà, trong đó ông Nguyễn Trung D hưởng phần đất thuộc thửa số 22, diện tích 6.402,9m², bà Nguyễn Thị P hưởng phần đất thuộc thửa số 5, diện tích 6.206,0m², bà hưởng phần đất thuộc thửa số 35, diện tích 6.465,9m². Hiện trạng là đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:*

Đối với phần đất ruộng thuộc thửa 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long hiện trạng chia thành 03 phần cho ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Hồng T1 thì bà không biết, do đi làm không có về, còn việc cha của bà là ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1926 (chết năm 2000) và mẹ Phạm Thị Kim A, sinh năm 1932 (chết năm 2003) có 07 người con là Nguyễn Thị Hồng T3, sinh năm 1952, Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1955, Nguyễn Trung D, sinh năm 1959, Nguyễn Thị P, sinh năm 1962, Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 và Nguyễn Thị Hồng T4 và bà Nguyễn Thị T2 là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà không có ý kiến gì, không yêu cầu chia thừa kế gì hết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T3 trình bày:*

Bà thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng T1 là lúc còn sống cha mẹ đã chia thửa đất số 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, hiện trạng chia thành 03 phần cho ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Hồng T1 vào năm 1985, khi cha bà vẫn còn sống, có cắm trụ ranh phân đất. Phần đất bà T1 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T đã nhận tiền là 10.000.000đ và giao đất cho ông T canh tác từ năm 1994 cho đến nay, không có tranh chấp và không có ai tranh chấp với ông T là đúng.

Đối với việc bà Nguyễn Thị P đứng tên trọn thửa đất số 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì bà không

biết, việc bà A mẹ bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P vào ngày 05/09/2003 là không có, lúc đó mẹ bà bị bệnh mất trí nhớ không biết gì hết, không biết ký tên, mẹ chết nên không thể chuyển nhượng cho bà P được. Đối với phần đất của bà T1 đã chuyển nhượng cho ông T thì qua tên cho ông T vậy thôi, bà không có ý kiến gì khác, không yêu cầu chia thừa kế gì trong vụ án này đối với phần đất trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày:* Ông không có tranh chấp gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Trước đây ông có cầm cố đất của bà Nguyễn Thị P một phần thửa đất số 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, hiện trạng là số 5, diện tích 6.206,0m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2014, hiện trạng ông vẫn trồng lúa, ông và bà Nguyễn Thị P vẫn tiếp tục thỏa thuận cầm cố, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này, còn lại ông không có ý kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày:* Đối với thửa đất số 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, hiện trạng chia thành 03 phần cho ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Hồng T1 thì ông không biết, vì đất là bên gia đình vợ ông không rõ, còn việc đất qua tên bà Nguyễn Thị P thì ông cũng không biết. Sau đó bà Nguyễn Thị P được cấp Giấy CNQSDĐ cấp cho hộ bà Nguyễn Thị P là chỉ có tên bà P và ông, không có tên các con ông là T5 và T6. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông không có ý kiến gì hết.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/06/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung D trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là của cha mẹ để lại, khi còn sống đã chia rồi, chia làm cho 03 người là Nguyễn Thị Hồng T1, Nguyễn Trung D, Nguyễn Thị P khoảng năm 1993-1995, chia ra có cầm trụ ranh mạnh ai nấy canh tác, nhưng chưa làm thủ tục tách thửa. Sau đó bà T1 không sử dụng nên mới chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T sử dụng từ đó cho đến nay, khi ông cần tiền thì kêu bà P bán dùm, ông không có ký tên tách thửa gì hết, bà P bán bao nhiêu thì đưa, ông không nhớ lúc đó tính bằng vàng, ông không biết ai đứng tên, còn việc bà P qua tên đứng toàn bộ phần đất thì ông không biết làm khi nào.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì phần đất trên lúc cha mẹ còn sống đã chia rồi, nên không đồng ý chia nữa, chỉ có chia làm 03 như đã trình bày, nên ông T yêu cầu chia 07 là không đúng, phải chia theo nguyện vọng của cha mẹ ông là chia 03 cho ông, bà P và bà T1.

Ông thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/09/2003 do lập trái pháp luật, bà Phạm Thị Kim A chết ngày 22/03/2003 thì không thể ký hợp đồng được, đề nghị Tòa án chia theo ý chí của cha mẹ ông khi còn sống. Đối với việc chuyển nhượng giữa bà T1 và ông T thì lúc đó bà Kim A còn sống, các anh chị em ruột biết hết, không có ý kiến gì vì đất đã chia cho bà T1, nên bà T1 chuyển nhượng cho ai là quyền của bà T1, ông không có tranh chấp.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/06/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T4 trình bày:* Bà đề nghị Tòa án xem xét công nhận phần đất mà bà T1 được chia bán cho ông T là hợp pháp vì ông T mua anh chị em đều biết, việc bà P đứng tên thì anh chị em không biết, sau này mới biết thì bà P hứa qua tên cho ông T, nhưng vẫn không thực hiện và kéo dài cho đến nay, còn lại thì trình bày giống như trình bày của ông D, không có ý kiến khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/06/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc T7 trình bày:* Ông có biết ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị P. Ông có mua đất của ông Nguyễn Trung D (*Giấy CNQSDĐ là do bà Nguyễn Thị P đứng tên*), diện tích 6.402,9m² với giá 322.500.000đ vào năm 2011, qua tên năm 2012. Tại thời điểm ông mua đất thì thấy ông T sử dụng đất phần đất kế bên từ trước. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2:* Thống nhất ý kiến của bà T2, không có ý kiến khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 131/2024/DS-ST, ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T;

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1;

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/09/2003 giữa bà Phạm Thị Kim A và bà Nguyễn Thị P được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thành 03 phần cho ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Hồng T1, trong đó ông Nguyễn Trung D hưởng phần đất thuộc thửa số 22, diện tích 6.402,9m², bà Nguyễn Thị P hưởng phần đất thuộc thửa số 5, diện tích 6.206,0m², bà Nguyễn Thị Hồng T1 hưởng phần đất thuộc thửa số 35, diện tích 6.465,9m², hiện trạng là đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay lập ngày 10/06/1994 giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 đối với một phần đất thửa 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (*nay là thửa số 35, diện tích 6.465,9m²*) là có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa số 35, diện tích 6.465,9m², có kích thước và hình thể qua các mốc (1, 2, 12, 13, 14, 15, 1), tờ bản đồ số 21, loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (*có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo*).

Ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, chỉnh lý biến động đất đai để xác lập quyền sử dụng đất được công nhận theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đình chỉ yêu cầu rút lại việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thành 07 kỷ phần, mỗi người hưởng 01 kỷ phần là 2.487m², do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 16/01/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/9/2023 giữa bà Phạm Thị Kim A và bà P, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Hồng T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị Hồng T3, ông Trần Ngọc T7 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

Công nhận cho bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng thửa đất số 5, tờ bản đồ số 21, diện tích 6206,6m², đất chuyên trồng lúa nước, do hộ bà Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp giấy ngày 05/3/2012.

Công nhận cho bà Phan Thị Ánh H2 được quyền sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 21, diện tích 6402,9m², đất chuyên trồng lúa nước, do bà Phan Thị Anh H3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp ngày 04/6/2012.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 21, diện tích 6465,9m², đất chuyên trồng lúa nước, do hộ bà Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện T ký cấp giấy ngày 05/3/2012.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất lập ngày 4/9/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự có mặt đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300, của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Về án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 13/12/2024, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án vắng mặt bà Nguyễn Thị P, ngày 02/01/2025 bà P nhận được bản án sơ thẩm, đến ngày 16/01/2025 bà P kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị Hồng T1, bà Nguyễn Thị Hồng T3, ông Trần Ngọc T7 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận cho bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng thửa đất số 5, tờ bản đồ số 21, diện tích 6206,0m², đất chuyên trồng lúa nước, do hộ bà Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp giấy ngày 05/3/2012.

Công nhận cho bà Phan Thị Ánh H2 được quyền sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 21, diện tích 6402,9m², đất chuyên trồng lúa nước, do bà Phan Thị Ánh H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp ngày 04/6/2012.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 21, diện tích 6465,9m², đất chuyên trồng lúa nước (do hộ bà Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp giấy ngày 05/3/2012).

Đất tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất lập ngày 4/9/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

[2.2] Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 131/2024/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên bà P không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 133 Luật đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 131/2024/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Hồng T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị Hồng T3, ông Trần Ngọc T7.

1. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Công nhận cho bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng thửa đất số 5, tờ bản đồ số 21, diện tích 6206,0m², đất chuyên trồng lúa nước, do hộ bà Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp giấy chứng nhận ngày 05/3/2012.

2.2. Công nhận cho bà Phan Thị Ánh H2 được quyền sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 21, diện tích 6402,9m², đất chuyên trồng lúa nước, do bà Phan Thị Ánh H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp giấy chứng nhận ngày 04/6/2012.

2.3. Công nhận cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 21, diện tích 6465,9m², đất chuyên trồng lúa nước.

Các thửa đất nêu trên cùng tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất lập ngày 4/9/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T được đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35 nêu trên.

2. Các quyết định sau đây của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, bao gồm:

-Đình chỉ đối với yêu cầu của ông T về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 867, diện tích 17.410m², loại đất lúa, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thành 07 kỷ phần, mỗi người hưởng 01 kỷ phần là 2.487m², do rút lại yêu cầu.

-Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T chịu toàn bộ chi phí là 8.300.000đ và đã nộp xong.

-Về án phí: miễn án phí cho bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1, bà Nguyễn Thị P theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả lại nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.330.500đ theo biên lai thu số 0013945, ngày 04/03/2024 và số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0014521, ngày 14/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÁ KÝ)

Đặng Thị Ánh Bình